

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin

đất đai; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông tư số 03/2020/TT-BTNMT ngày 29/05/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật mạng lưới trạm vệ tinh quốc gia; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/03/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 2959/KH-

BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của liên Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Quyết định 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 3787/BTNMT-CDKDLTTĐĐ ngày 26/05/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương; Công văn số 1433/CQLĐĐ-ĐĐĐKĐĐ ngày 22/4/2026 của Cục Quản lý đất đai về việc góp ý đối với Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn 03 xã: Chiềng Sơn, Vân Hồ và Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; Công văn số 1435/CQLĐĐ-TKKTĐĐ ngày 22/4/2026 của Cục Quản lý đất đai hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 124-KH/TU ngày 20/9/2022 của Tỉnh ủy Sơn La về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 15/05/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc cho phép tiếp tục thực hiện các nội dung về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp và trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc cho phép lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán (dự án): “Đo đạc, lập

bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 651/TTr-SNNMT ngày 16/6/2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 835/BC-SNNMT ngày 21/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: “*Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La*”, với những nội dung chính như sau:

1. Tên Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: “*Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La*”.

2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Quy mô và địa điểm thực hiện

Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Vân Hồ được thành lập theo Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vân Hồ, xã Chiềng Yên, xã Lóng Luông và xã Mường Men (*thuộc huyện Vân Hồ cũ*) còn lại sau khi trừ đi:

- Diện tích đã đo vẽ bản đồ địa chính năm 2019 thuộc thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc lập bản đồ địa chính đối với đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cấp đổi quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Vân Hồ được phê duyệt theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND huyện Vân Hồ đã được kiểm tra, nghiệm thu vào năm 2021 là 592,90 ha.

- Diện tích thực hiện trích đo bản đồ địa chính theo phương án, nhiệm vụ: Trích đo địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án thành phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La là 263,57 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng với tổng diện tích là: 14.240,43 ha.

Quy mô thực hiện dự án đo đạc lập bản đồ địa chính xã Vân Hồ là: 11.743,59 ha.

5. Mục đích của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a) Đo đạc lập bản đồ địa chính

- Xây dựng lưới tọa độ địa chính;

- Đo đạc bản đồ địa chính khép kín toàn bộ diện tích chưa có bản đồ địa chính chính quy tại địa bàn thực hiện (*trừ diện tích đã đo vẽ bản đồ địa chính năm 2019 theo Quyết định 746/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND huyện Vân Hồ đã được kiểm tra, nghiệm thu vào năm 2021; diện tích Trích đo địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án thành phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La và diện tích đất lâm nghiệp, đất chưa sử dụng*).

b) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu;

- Đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận.

c) Cập nhật, bổ sung và tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính.

6. Nội dung Thiết kế kỹ thuật

a) Đo đạc lập bản đồ địa chính

- Xây dựng lưới địa chính: 14 điểm.

- Đo đạc bản đồ địa chính: 11.743,59 ha, trong đó:

+ Tỷ lệ: 1/1.000: 577,44 ha;

+ Tỷ lệ: 1/2.000: 3.961,60 ha;

+ Tỷ lệ: 1/5.000: 7.204,55 ha.

b) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu là: 4.797 hồ sơ;

- Đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận là: 11.330 hồ sơ.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính: 42.442 thửa.

7. Định mức áp dụng

Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành theo Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025.

8. Tổng dự toán: 45.937.070.008 đồng (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT). Bằng chữ: (Bốn mươi lăm tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn, không trăm linh tám đồng).

Trong đó:

a) Chi phí lập TKKT - DT là:	402.568.000	Đồng.
b) Chi phí thực hiện TKKT - DT là:	43.615.141.465	Đồng.
- Lập lưới địa chính:	356.523.684	Đồng.
- Đo vẽ bản đồ địa chính:	26.368.428.360	Đồng.
- Đăng ký, cấp Giấy CNQSD đất. Trong đó:	16.153.149.167	Đồng.
+ Đặt hàng VPĐKĐĐ thực hiện:	4.937.584.037	Đồng.
+ Nhà thầu thực hiện:	11.215.565.130	Đồng.
- Cơ sở dữ liệu địa chính. Trong đó:	737.040.254	Đồng.
+ Đặt hàng VPĐKĐĐ thực hiện:	298.644.416	Đồng.
+ Nhà thầu thực hiện:	438.395.838	Đồng.
c) Chi phí khác (kiểm tra, nghiệm thu) là:	1.709.763.663	Đồng.
d) Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu là:	209.596.881	Đồng.

(Có biểu dự toán chi tiết kèm theo)

9. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2026-2027.

11. Phương thức thực hiện:

- Đấu thầu đối với các hạng mục: Thi công đo đạc lập bản đồ địa chính và Kiểm tra nghiệm thu;
- Đặt hàng đối với các hạng mục: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

12. Sản phẩm của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a) Lưới địa chính gồm: Mốc, hồ sơ theo quy định và thành quả đo đạc, tính toán bình sai lưới địa chính.

b) Đo đạc bản đồ địa chính gồm:

- Bản đồ địa chính các tỷ lệ 1/1.000, 1/2.000, 1/5.000 được tiếp biên đồng bộ với các tài liệu đo vẽ thuộc khu vực tiếp giáp;
- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bảng tổng hợp diện tích, số thửa và số người sử dụng đất, người quản lý đất theo kết quả lập bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số;

- Các sản phẩm được quy định tại Điều 24 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính.

c) Hồ sơ địa chính gồm: Sổ mục kê đất đai, sổ địa chính, sổ cấp Giấy chứng nhận, bản sao Giấy chứng nhận và hồ sơ đăng ký đất đai.

d) Cơ sở dữ liệu địa chính được tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tập trung tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chủ đầu tư):

a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, UBND xã Vân Hồ, triển khai Thiết kế kỹ thuật - Dự toán theo đúng quy trình, quy định hiện hành của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

c) UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt hàng Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đối với các hạng mục, khối lượng thuộc công đoạn đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận gồm 16.127 hồ sơ (gồm: 4.797 hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu, 11.330 hồ sơ đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận) và Cập nhật bổ sung và tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính 42.442 thửa đất.

2. Sở Tài chính: Cân đối, bố trí nguồn kinh phí sau khi Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo triển khai thực hiện và thanh quyết toán việc sử dụng nguồn vốn theo kế hoạch, tiến độ; tổng hợp, báo cáo nguồn kinh phí thực hiện để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định.

3. UBND xã Vân Hồ: Theo chức năng và nhiệm vụ quyền hạn phối hợp với các Sở, ban, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND xã Vân Hồ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 15 bản.

báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

PHỤ LỤC: BIỂU DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Mức KK	Khối lượng	Chi phí trực tiếp	CP chung 25-15%	Thành tiền (Đồng)	Thuế VAT (8%)	Tổng cộng (Đồng)	
									VPĐK/Sở NNMT thực hiện	Tổ chức đấu thầu
A	ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ, XÂY DỰNG CSDL ĐẤT ĐAI						40.384.390.245	3.230.751.220	5.236.228.453	38.378.913.012
I	LƯỚI ĐỊA CHÍNH			14			330.114.522	26.409.162		356.523.684
1	Chọn điểm, chôn mốc	Điểm	4	14	106.983.283	26.745.821	133.729.104	10.698.328		144.427.432
2	Xây tường vây	Điểm	4	14	84.075.203	21.018.801	105.094.004	8.407.520		113.501.524
3	Tiếp điểm	Điểm	4	8	10.356.095	2.589.024	12.945.119	1.035.610		13.980.729
4	Đo ngắm	Điểm	4	14	49.437.649	12.359.412	61.797.062	4.943.765		66.740.827
5	Tính toán bình sai	Điểm	1-5	14	9.376.258	1.406.439	10.782.697	862.616		11.645.312
6	Phục vụ KTNT	Điểm	1-5	14	5.014.379	752.157	5.766.536	461.323		6.227.859
II	ĐO ĐẠC, LẬP BĐĐC			11.743,59			24.415.211.444	1.953.216.916		26.368.428.360
1	Tỷ lệ 1/1.000	Ha	1-5	577,44	3.340.067.346	778.164.794	4.118.232.141	329.458.571		4.447.690.712
2	Tỷ lệ 1/2.000	Ha	1-5	3.961,60	9.699.404.249	2.252.733.226	11.952.137.474	956.170.998		12.908.308.472
3	Tỷ lệ 1/5.000	Ha	1-5	7.204,55	6.715.971.404	1.628.870.425	8.344.841.829	667.587.346		9.012.429.176
III	KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ						14.956.619.599	1.196.529.568	4.937.584.037	11.215.565.130
1	Đăng ký, cấp GCN lần đầu đồng loạt đối với cá nhân ở xã	Hồ sơ	3	4.797	4.931.559.248	739.733.887	5.671.293.135	453.703.451	1.454.261.834	4.670.734.753
2	Đăng ký, cấp đổi GCN đồng loạt tại xã	Hồ sơ	3	11.330	8.074.196.925	1.211.129.539	9.285.326.464	742.826.117	3.483.322.204	6.544.830.377
IV	CẬP NHẬT, BỔ SUNG CSDL ĐỊA CHÍNH						682.444.679	54.595.574	298.644.416	438.395.838
	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận						682.444.679	54.595.574	298.644.416	438.395.838
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Thửa			-	-	0	0	0	0
2	Xây dựng dữ liệu không gian gắn với đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính	Xã		1	71.738.747	10.760.812	82.499.559	6.599.965	5.173.256	83.926.268
3	Hoàn thiện dữ liệu địa chính	Thửa		42.442	189.928.035	28.489.205	218.417.241	17.473.379	0	235.890.620
4	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	Thửa		42.442	95.474.195	14.321.129	109.795.324	8.783.626	0	118.578.950
5	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	Thửa		42.442	236.289.179	35.443.377	271.732.556	21.738.604	293.471.160	0

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Mức KK	Khối lượng	Chi phí trực tiếp	CP chung 25-15%	Thành tiền (Đồng)	Thuế VAT (8%)	Tổng cộng (Đồng)	
									VPĐK/Sở NNMT thực hiện	Tổ chức đấu thầu
B	CHI PHÍ KHÁC NGOÀI ĐƠN GIÁ						1.955.862.651	156.469.012	0	2.321.928.544
1	Lập TKKT-DT						372.748.149	29.819.852		402.568.000
-	Nhóm II CP trực tiếp	%		1,30		x (CPTT)	260.144.673	20.811.574		280.956.247
-	Nhóm III CP trực tiếp	%		0,83		x (CPTT)	112.603.476	9.008.278		121.611.754
2	CHI PHÍ GIÁM SÁT, KIỂM TRA, NGHIỆM THU						1.583.114.502	126.649.160		1.709.763.663
-	Ngoại nghiệp II	4%				x (CPTT+CPC)	860.768.609	68.861.489		929.630.098
-	Nội nghiệp II	3%				x (CPTT+CPC)	96.783.322	7.742.666		104.525.988
-	Ngoại nghiệp III	4%				x (CPTT+CPC)	625.562.571	50.045.006		675.607.577
3	TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU									209.596.881
3.1	Gói thi công									196.757.826
-	Lập hồ sơ mời thầu	0,20%								60.000.000
-	Đánh giá hồ sơ dự thầu	0,20%								60.000.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu	0,10%								38.378.913
-	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,10%								38.378.913
3.1	Gói kiểm tra, nghiệm thu									12.839.055
-	Lập hồ sơ mời thầu	0,20%								3.419.527
-	Đánh giá hồ sơ dự thầu	0,20%								3.419.527
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu	0,10%								3.000.000
-	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,10%								3.000.000
	TỔNG DỰ TOÁN								5.236.228.453	40.700.841.555